



VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2026/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 09 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động
xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14;

*Căn cứ Nghị định số 243/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết
một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;*

*Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập
dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các
nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì
công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 212/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện
năng lực hoạt động xây dựng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt
động xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 65/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy
định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa
chữa tài sản công;*

*Căn cứ Thông báo số 190/TB-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Mạnh
Quyền, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban ngày 03
tháng 7 năm 2026;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 180/TTr-SXD
ngày 30 tháng 6 năm 2026;*

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 7 năm 2026.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 136/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc sở, Thủ trưởng ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hùng Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2026/QĐ-UBND)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong quản lý hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, bao gồm: Thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; quản lý trật tự xây dựng; quản lý điều kiện năng lực hoạt động xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Chương II QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG Mục 1

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 3. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh (gồm: các sở, ngành: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp) theo chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều này thẩm định đối với các dự án quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP; trừ dự án thuộc thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quy định tại khoản 2 Điều 32, khoản 1 Điều 33 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP và dự án quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thuộc chuyên ngành theo quy định tại khoản 5 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, cụ thể:

a) Sở Xây dựng thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng dân dụng; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu chức năng; dự án đầu tư xây dựng công nghiệp nhẹ,

công nghiệp vật liệu xây dựng; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông; trừ dự án, công trình quy định tại điểm d, điểm đ khoản này;

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và môi trường; trừ dự án, công trình quy định tại điểm d, điểm đ khoản này;

c) Sở Công Thương thẩm định đối với dự án, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp; trừ dự án, công trình quy định tại điểm a, điểm d, điểm đ khoản này;

d) Ban Quản lý các khu công nghiệp đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại các khu công nghiệp được giao quản lý (bao gồm cả dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp);

đ) Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp thẩm định đối với các dự án, công trình được đầu tư xây dựng tại các khu công nghiệp được giao quản lý (bao gồm cả dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp); các dự án, công trình được đầu tư ngoài khu công nghiệp trong khu kinh tế do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tiếp nhận hoặc giải quyết thủ tục đầu tư (bao gồm cả dự án hạ tầng kỹ thuật khu kinh tế và các dự án thứ cấp trong khu kinh tế không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định), trừ các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở.

3. Phòng Kinh tế; Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi chung là Phòng được giao quản lý xây dựng cấp xã): Thẩm định đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.

4. Đối với dự án gồm nhiều công trình với nhiều loại và cấp khác nhau, dự án được phân chia thành các dự án thành phần độc lập thì thẩm quyền thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 33 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

Điều 4. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư

Việc thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng của người quyết định đầu tư được thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, cụ thể như sau:

1. Đối với dự án đầu tư xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư (bao gồm cả dự án PPP): Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư: Phòng được giao quản lý xây dựng cấp xã là cơ quan chủ trì thẩm định.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến trong quá trình thẩm định dự án

Trong quá trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, cơ quan chủ trì thẩm định, cơ quan

chuyên môn về xây dựng được quyền lấy ý kiến tham gia thẩm định của các cơ quan, đơn vị có liên quan. Cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phối hợp trả lời theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Thời hạn tham gia ý kiến không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm A, không quá 07 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, nhóm C.

Điều 6. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng

1. Việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

2. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng, cơ quan chủ trì thẩm định thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4 Quy định này.

Trường hợp điều chỉnh dự án làm thay đổi nhóm dự án, thẩm quyền thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng được xác định theo thẩm quyền của nhóm dự án sau điều chỉnh.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trong một số trường hợp

1. Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và dự án bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công:

a) Đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng, chủ đầu tư tự tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

b) Đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên, chủ đầu tư phải lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cụ thể:

Sở Tài chính là cơ quan chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với dự án sử dụng nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý; trừ dự án sửa chữa định kỳ đường bộ, đường thủy nội địa.

Sở Xây dựng là cơ quan chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với dự án sửa chữa định kỳ đường bộ, đường thủy nội địa sử dụng nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thẩm định, phê duyệt đối với dự án sử dụng nguồn vốn do Ủy ban nhân dân xã quản lý. Thẩm quyền thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này.

2. Dự án đầu tư xây dựng được hỗ trợ từ nguồn vốn quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh để tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chủ trì thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án.

Mục 2

QUẢN LÝ TRẬT TỰ XÂY DỰNG

Điều 8. Quản lý trật tự xây dựng

1. Việc quản lý trật tự xây dựng, nội dung về quản lý trật tự xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm về quản lý trật tự xây dựng các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh (trừ công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình xây dựng tạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng năm 2025):

a) Ban Quản lý các khu công nghiệp quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình trong các khu công nghiệp được giao quản lý;

b) Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình được đầu tư xây dựng tại các khu công nghiệp được giao quản lý; công trình thuộc dự án được đầu tư ngoài khu công nghiệp trong khu kinh tế do Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tiếp nhận hoặc giải quyết thủ tục đầu tư (bao gồm cả các dự án thứ cấp trong khu kinh tế không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định), trừ các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu nhà ở;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng trên địa bàn do mình quản lý; trừ công trình quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

d) Đối với dự án, công trình xây dựng trên địa bàn 02 xã trở lên, giao Ủy ban nhân dân xã, phường có phần diện tích đất của dự án nhiều nhất là cơ quan chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường còn lại để quản lý trật tự xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm về quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn theo quy định tại khoản 8 Điều 73 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng công trình:

a) Tổ chức quản lý đầu tư xây dựng, thi công xây dựng theo đúng nội dung giấy phép xây dựng và hồ sơ thiết kế được duyệt; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung giải quyết các công việc liên quan đến trật tự xây dựng, giấy phép xây dựng công trình khi có yêu cầu.

b) Phải thực hiện gửi thông báo khởi công theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Xây dựng năm 2025, cụ thể như sau:

Trước khi khởi công xây dựng, chủ đầu tư xây dựng công trình quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng năm 2025 phải thực hiện gửi thông báo khởi công xây dựng (trừ công trình bí mật nhà nước, công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình xây dựng tạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Luật Xây dựng năm 2025, công trình nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân) đến cơ quan có thẩm quyền quản lý trật tự xây dựng quy định tại khoản 2 Điều này và gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình xây dựng để quản lý, theo dõi.

Mục 3

QUẢN LÝ ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 9. Thẩm quyền cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề, giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài và phối hợp cung cấp, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu về năng lực hành nghề xây dựng

1. Sở Xây dựng cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề cho cá nhân theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

2. Sở Xây dựng cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định Điều 44 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

3. Sở Xây dựng phối hợp cung cấp, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu về năng lực hành nghề xây dựng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 212/2026/NĐ-CP.

Chương III

QUẢN LÝ CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Điều 10. Trách nhiệm của các sở, ngành

1. Sở Xây dựng

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng thuộc chuyên ngành mình quản lý trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì tổ chức xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức dự toán cho các công tác xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 206/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

c) Xác định danh mục, lập kế hoạch rà soát định mức định kỳ hàng năm đối với nội dung quy định tại điểm b Khoản 1 Điều này;

d) Tổ chức xác định và công bố chỉ số giá xây dựng, giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công (gồm giá thuê máy và thiết bị thi công xây

dựng nếu có) và giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

đ) Tổng hợp các định mức dự toán cho các công tác xây dựng trên địa bàn địa phương chưa được Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ban hành; giá các loại vật liệu xây dựng, đơn giá nhân công, giá ca máy và thiết bị thi công, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn gửi về Bộ Xây dựng để cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu.

2. Các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành (Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương)

a) Tổ chức lập định mức xây dựng cho các công tác xây dựng đặc thù của địa phương theo chuyên ngành quản lý, gửi về Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành. Tổ chức xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành định mức cho các công việc bảo trì công trình xây dựng chưa được Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khác ban hành;

b) Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các công trình thuộc chuyên ngành mình quản lý trên địa bàn tỉnh.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Xây dựng xác định và công bố giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh, phục vụ cho công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các công trình trên địa bàn sử dụng nguồn vốn do mình quản lý.

2. Phối hợp với Sở Xây dựng khảo sát, xác định giá các loại vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.

Chương IV

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 12. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng của các cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh theo chuyên ngành, địa bàn quản lý quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi

điều chỉnh của Nghị định 207/2026/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh; trừ các nội dung đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã tại Điều 13 Quy định này.

2. Thực hiện các nội dung Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp theo chuyên ngành, địa bàn quản lý quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này; trừ các nội dung đã phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã tại Điều 13 Quy định này, cụ thể:

a) Sở Xây dựng: Tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định; tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình đối với các công trình chưa xác định được chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình theo quy định của Nghị định 207/2026/NĐ-CP; xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình.

b) Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương: Xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

c) Ban Quản lý các khu công nghiệp: Tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định; tiếp nhận thông tin về hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng trong địa bàn quản lý; xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình.

d) Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp: Tổ chức rà soát các công trình xây dựng thuộc đối tượng phải đánh giá an toàn công trình và yêu cầu chủ sở hữu hoặc chủ quản lý, sử dụng công trình tổ chức thực hiện việc đánh giá an toàn công trình theo quy định; tiếp nhận thông tin về hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng trong địa bàn quản lý; xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình.

Điều 13. Trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, an toàn trong thi công xây dựng, bảo trì công trình xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về những nội dung thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 207/2026/NĐ-CP trong phạm vi địa bàn quản lý đối với các công trình sau: Công trình thuộc dự án do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư (bao gồm cả công trình thuộc dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ủy quyền phê duyệt dự án đầu tư); công trình sử dụng nguồn vốn khác không nằm trong danh mục công trình ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; công trình nhà ở riêng lẻ; trừ công trình do Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp quản lý quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này.

2. Tiếp nhận thông tin về hạng mục công trình, công trình xảy ra sự cố hoặc có dấu hiệu nguy hiểm, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng trên địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; chủ trì giải quyết sự cố công trình xây dựng trên địa bàn quản lý theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; trừ công trình do Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp quản lý quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này. Đối với công trình xây dựng trên địa bàn 02 xã trở lên, giao Ủy ban nhân dân xã, phường có phần diện tích đất của dự án nhiều nhất là cơ quan chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường còn lại để giải quyết sự cố công trình xây dựng.

3. Xem xét và cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình theo quy định khoản 9 Điều 43 Nghị định 207/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn quản lý đối với công trình quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 14. Phân công thực hiện công tác kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

1. Cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh theo chuyên ngành quản lý quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định này kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 25 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP; trừ công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc bộ quản lý xây dựng chuyên ngành quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 26 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP và công trình quy định tại điểm h khoản 2 Điều 26 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

2. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc dự án đầu tư xây dựng công trình được phân chia thành các dự án thành phần gồm nhiều công trình có loại và cấp khác nhau thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai, hướng dẫn, giám sát và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm triển khai phổ biến Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực và trên địa bàn quản lý.

Điều 16. Xử lý chuyển tiếp

1. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh, cấp

giấy phép xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đã được các cơ quan quản lý nhà nước tiếp nhận trước ngày Nghị định số 207/2026/NĐ-CP, Nghị định số 217/2026/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, đủ điều kiện giải quyết nhưng chưa giải quyết xong thì được tiếp tục thực hiện theo phân công, phân cấp của tỉnh Hưng Yên tại Quyết định số 136/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quy định phân cấp, phân công nhiệm vụ trong hoạt động xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Các quy định chuyển tiếp khác được thực hiện theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 217/2026/NĐ-CP, Điều 53 Nghị định số 207/2026/NĐ-CP.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các quy định viện dẫn trong Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.